

Bản án số: 46/2024/HS-ST

Ngày: 24 - 5 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ích Yên

- Thẩm phán: Ông Đặng Minh Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Long;
2. Bà Nguyễn Thị Phương Thủy;
3. Ông Nguyễn Duy Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Khánh Tùng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Bùi Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại Hội trường của Trường đại học kinh tế và quản trị kinh doanh, Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm lưu động vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST- ngày 09 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **MA ĐÌNH ĐÔNG**; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1995; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Xóm G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ma Đình K, (đã chết); Con bà Chu Thị N; Chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 101/QĐ-XPHC ngày 12/12/2023 của Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Ma Đình Đ 4.000.000 đồng về hành vi “Huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân, tổ chức”. Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 25/10/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt tại phiên toà)

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị D, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. (Có mặt)

Bị hại:

Anh Trần Văn T, sinh năm 1989.

Nơi thường trú: Xóm N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Chu Thị N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Xóm G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn D1, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Xóm G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

2. Hầu Văn Đ1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

3. Hầu Văn Đ2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

4. Ma Khắc T1, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

5. Nguyễn Văn A, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Xóm G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

6. Đoàn Thị T2, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Xóm G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ma Đình Đ thường xuyên vắng nhà đi làm thợ sơn tại Hà Nội, ngày 22/10/2023, Đ đón xe khách từ Hà Nội về đến ngã ba Quán V, xã T, huyện Đ gọi điện thoại nhờ Nguyễn Văn D1, sinh năm 2000, là bạn cùng xóm ra đón Đ. Đến tối D1 cùng Đ đi chơi khi đến nhà Hầu Văn Đ1, sinh năm 1988, trú tại xóm G, xã Đ, huyện Đ, Đ gặp Ma Khắc T1, sinh năm 1995, trú tại xóm K, xã B, huyện Đ đang chơi ở nhà Đá, Đ vào ngồi chơi cùng T1 không đi chơi cùng D1 nữa. D1 bức tức nhắn tin cho T1 nội dung trách móc Đ đang đi chơi cùng D1

nhưng lại đi cùng T1 và nhắc lại chuyện trước đó Đ có vay D1 200.000đ chưa trả, (Sự việc được T1 nói lại cho Đ biết).

Tối ngày 23/10/2023, Đ làm cơm mời Trần Văn T, sinh năm 1989, trú tại xóm N, xã Đ, huyện Đ; M, sinh năm 1967; Đoàn Thị T3, sinh năm 1974; Hầu Văn Đ2, sinh năm 1984 cùng trú tại xóm G, xã Đ, huyện Đ đến nhà Đ ăn cơm uống rượu. Trong lúc uống rượu, T nhận được tin nhắn của D1 rủ đi chơi, nên khoảng gần 21 giờ T xin phép về trước. D1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius RC, BKS 20C1 - 223.42 của D1 đến đón T đi ra xã B, huyện Đ uống nước. Còn lại Đ, T1, Đ2, P ở lại uống rượu và hát karaoke. Lúc này uống rượu Đ lấy điện thoại gọi cho D1 để nói chuyện về mâu thuẫn trước đó nhưng D1 không để ý có cuộc gọi đến. Khi đi đến đoạn đường thuộc xóm Đ, xã B, huyện Đ thấy có cuộc gọi nhớ nên D1 gọi lại và cãi chửi nhau qua điện thoại với Đ. Đ hẹn gặp D1 ở trước cửa quán bán hàng tạp hóa của bà Nguyễn Thị Đ3 thuộc xóm N, xã Đ, huyện Đ để giải quyết mâu thuẫn. Sau đó D1 chở T quay lại vị trí đã hẹn để chờ gặp Đ. Sau khi nghe điện thoại của D1, Đ bực tức chạy vào bếp nhà mình cầm theo 01 con dao ba, dài tổng thể 43cm, chuôi dao bằng gỗ dài 14cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, có một lưỡi sắc, bản rộng nhất khoảng 6cm, sống dao dày 3,5cm chạy về phía nhà bà Đ3 tìm đánh D1. Khi thấy Đ chạy đến gần, trên tay Đ cầm dao, D1 sợ bỏ chạy về phía hướng xóm K, xã B còn T đứng tại gần vị trí xe mô tô của D1. Đ chạy đến gần hỏi T “*Thằng D1 đâu*” thì T chỉ tay về phía D1 đang bỏ chạy. Đ định đuổi theo D1 thì T can ngăn định giằng lấy con dao trên tay Đ và nói “*Em đưa dao cho anh*”. Đ nói “*Anh đừng động vào dao của em*”. T nói “*Mày điên à? Anh T đây*”. Đ nói “*Anh cũng chém*” rồi vung dao chém 01 nhát trúng vào trán của T sau đó chém tiếp nhát thứ hai nhưng T né tránh được nên không trúng. T lao vào ôm vật Đ ngã xuống đất mục đích để tước dao của Đ thì có T1 chạy đến can ngăn, kéo T ra còn Đ tiếp tục cầm dao đuổi theo để chém D1 nhưng không tìm thấy. T được đưa vào nhà Hầu Văn Đ2 ở gần đó sơ cứu cầm máu và được Đ2 đưa đến băng bó vết thương tại Trạm y tế xã Đ và đưa đến cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ rồi chuyển đến Bệnh viện T4 điều trị đến ngày 30/10/2023 ra viện. Sau khi không đuổi kịp D1, Đ quay lại vị trí xe mô tô của D1, dùng chân đạp đổ xe, dùng dao chém 01 nhát vào lốp bánh sau, 01 nhát vào phần nhựa yếm xe rồi cầm theo dao đến nhà để tìm D1 để chém nhưng không thấy.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ án, kết quả bị cáo và bị hại đã xác định địa điểm nơi xảy ra vụ án phù hợp với các tài liệu đã thu thập được trong quá trình điều tra.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 910/KLTTCT - TTPY ngày 25/10/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh T đối với Trần Văn T, kết luận “*Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Văn T tại thời điểm giám định là 11% (Mười một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng*

tại Thông tư số 22/TTBYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định. Hiện tại bệnh nhân đang nằm điều trị tại Bệnh viện, có thể có những tổn thương khác chưa thể đánh giá, xác định được ngay nên sau khi bệnh nhân ra viện, Cơ quan CSĐT có thể trưng cầu giám định bổ sung”.

Tại bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 1006/KLTTCT - TTPY ngày 05/12/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh T đối với Trần Văn T, kết luận:

“Vỡ xương trán: tỷ lệ 8%; cơ chế hình thành thương tích: do tác động của vật có cạnh sắc

M tụ ngoài màng cứng: tỷ lệ 5%; cơ chế hình thành thương tích: do tác động của vật có cạnh sắc

Sẹo trán phải: tỷ lệ 3%; cơ chế hình thành thương tích: do tác động của vật có cạnh sắc

Cộng: $8\% + 5\% + 3\% = 15,22\%$ (làm tròn số là 15%) áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư.

Kết luận khác: Các thương tích của Trần Văn T “Chấn thương sọ não” là bệnh lý nguy hiểm đến tính mạng nếu không được cấp cứu kịp thời. Tuy nhiên ở mức độ nhẹ bệnh nhân có thể được điều trị bảo tồn theo dõi tiến triển của bệnh nhân tại bệnh viện”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29 ngày 24/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, kết luận: *Thiệt hại tài sản đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius RC, màu đen, xám, vàng, BKS 20C1 - 223.42, số máy ET6E193892, số khung 1710GY131195, sản xuất năm 2017, đăng ký lần đầu ngày 11/12/2017 là 650.000đ (Sáu trăm, năm mươi nghìn đồng)*

Vật chứng của vụ án:

- 01 (Một) dao ba (Loại dao chặt củi) chuôi dao bằng gỗ dài 14cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, bản lưỡi dao rộng nhất 6cm, đầu mũi dao vuông. Được niêm phong theo đúng quy định, ký hiệu “D”.

- 02 (Hai) chiếc dép của cùng một đôi dép màu vàng, bằng cao su, trên quai dép có ghi chữ Sport màu đen, cỡ dép 40, dép đã qua sử dụng, được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu A

- 01 (Một) chiếc ô màu xanh, khung bằng kim loại màu đen, mũi ô bằng nhựa màu tím, phần tay cầm bằng gỗ, dài tổng thể 90cm, được niêm phong trong hộp giấy, ký hiệu B.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius RC, BKS 20C1 - 223.42, số máy ET6E193892, số khung 1710GY131195, đã trả cho Nguyễn Văn D1 chủ sở hữu quản lý sử dụng.

* Về trách nhiệm dân sự: Ngày 26/02/2024, Trần Văn T có đơn đề nghị thỏa thuận bồi thường dân sự số tiền 5.000.000đ, bà Chu Thị N (mẹ đẻ bị cáo Ma Đình Đ) đã bồi thường cho anh T số tiền 5.000.000đ theo yêu cầu; Nguyễn

Văn D1 không yêu cầu Ma Đình Đ phải bồi thường hành vi dùng dao chém hỏng xe mô tô của D1.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Ma Đình Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 33/CT - VKS - P2, ngày 02/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Ma Đình Đ về tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị hại là anh Trần Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bà Chu Thị N không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo.

Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Ma Đình Đ phạm tội “Giết người”.
- Về hình phạt: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Ma Đình Đ từ 10 đến 11 năm tù.
- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.
- Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng.
- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì. Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 15, Điều 17 của Bộ luật hình sự; điểm đ điều 12 Nghị quyết 326 của Quốc hội cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm được trở về với gia đình và miễn án phí cho bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về chấp hành pháp luật tố tụng hình sự: Hành vi, quyết định của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng đã được tổng đạt cho bị cáo đúng thời hạn do pháp luật quy định. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng và điều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt toàn bộ những người làm chứng và bị hại. Hội đồng xét xử thấy, những người này đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra, trước khi xét xử sơ thẩm bị hại là anh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tiếp tục xét xử.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 23 tháng 10 năm 2023, tại khu vực xóm N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, sau khi tổ chức mời bạn bè uống rượu xong Ma Đình Đ, do có cãi, chửi nhau với D1, hai bên có hẹn gặp để giải quyết mâu thuẫn, Đ đã dùng con dao ba (*loại dao chặt củi có chiều dài 43cm*) chuôi bằng gỗ dài 14cm, phần lưỡi dao có một lưỡi sắc, lưỡi dao dài 29cm, bản rộng 06cm chạy đến chỗ hẹn với D1, D1 hoảng sợ bỏ chạy, lúc này còn T đứng gần vị trí xe của D1, T có nói can ngăn Đ nhưng Đ vẫn dùng dao chém 1 nhát trúng vùng trán bên phải của anh T. Sau đó chém nhát thứ hai nhưng anh Trọng tránh được. Hậu quả: anh T vỡ xương trán, tụ máu ngoài màng cứng với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 15% và kết luận khác còn xác định: *“Các thương tích của anh Trần Văn T “Chấn thương sọ não” là bệnh lý nguy hiểm đến tính mạng nếu không được đưa đi cấp cứu kịp thời. Tuy nhiên ở mức độ nhẹ bệnh nhân có thể được điều trị bảo tồn theo dõi tiến triển của bệnh nhân tại bệnh viện....”*.

Như vậy, với hành vi nêu trên của bị cáo, căn cứ vào án lệ số 47 và văn bản hướng dẫn pháp luật có liên quan, kết luận giám định, Hội đồng xét xử xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Ma Đình Đ về tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 123 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a,.....

n, C tính chất côn đồ...”.

[3]. Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền được sống của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi của bị cáo đã gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã tác động để gia đình bồi thường cho bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội chưa đạt nên áp dụng Điều 15 và Điều 57 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Anh T có đơn đề nghị thỏa thuận bồi thường dân sự với số tiền là 5.000.000đ, bà Chu Thị N (mẹ đẻ của bị cáo) đã tự nguyện bồi thường thay cho T với số tiền nêu trên, anh T đã nhận được và không yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận đó là tự nguyện, không trái đạo đức, xã hội, đúng quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Đối với hành vi hủy hoại chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Văn D1, anh D1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6]. Vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng không có giá trị sử dụng.

[7]. Đối với hành vi làm hư hỏng xe mô tô BKS 20C1-223.42 của Đông gây hậu quả không lớn, nên không phạm tội. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 101/QĐ-XPHC ngày 12/12/2023 của Công an huyện Đ xử phạt

Ma Đình Đ 4.000.000 đồng về hành vi “Huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân, tổ chức”.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì, bị cáo là dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

[9]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[10]. Thông báo quyền kháng cáo: Thông báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, 260, 268, 269, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ma Đình Đ.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ma Đình Đ phạm tội “Giết người”.

3. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Ma Đình Đ **09 (C1)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/10/2023.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc đã bồi thường trách nhiệm dân sự với tổng số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), đã bồi thường xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết tiếp.

5. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ:

- 02 (Hai) chiếc dép của cùng một đôi dép màu vàng, bằng cao su, trên quai dép có ghi chữ Sport màu đen, cỡ dép 40, dép đã qua sử dụng, được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu “A”.

- 01 (Một) chiếc ô màu xanh, khung bằng kim loại màu đen, mũi ô bằng nhựa màu tím, phần tay cầm bằng cây gỗ, dài tổng thể 90 cm, được niêm phong trong hộp giấy, ký hiệu “B”.

- 01 (Một) dao ba (Loại dao chặt củi) chuôi dao bằng gỗ dài 14cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, bản lưỡi dao rộng nhất 6cm, đầu mũi dao vuông. Được niêm phong theo đúng quy định, ký hiệu “D”.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên số 66 ngày 25/3/2024).

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Ma Đình Đ không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước. Vì bị cáo là dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

7. Thông báo về quyền kháng cáo: Án hình sự sơ thẩm xét xử lưu động công khai, có mặt bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Ích Yên